

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20-8-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Kim Ngọc.

Bà Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trần Văn T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào ngày 16/6/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà T yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T1.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông T1 có 01 con chung tên Trần Nguyễn Anh T2, sinh ngày 22/5/2012 (Giới tính: Nam), con chung tên hiện tại đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn ông Trần Văn T1 và yêu cầu được nuôi con chung. Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị hồng T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ông Trần Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trần Văn T1 tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào ngày 16/6/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T1 và bà T là hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà T: Trong quá trình chung sống, ông T1 và bà T thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không phù

hợp làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà T và ông T1 đã không còn sống chung. Bà T và ông T1 đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về yêu cầu nuôi con chung: Quá trình chung sống bà T và ông T1 có 01 con chung tên Trần Nguyễn Anh T2, sinh ngày 25/12/2012 (Giới tính: Nam), con chung tên hiện tại đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng.

Xét thấy, con chung từ lúc mới được sinh ra cho đến nay và ngay cả sau khi bà T và ông T1 không còn sống chung thì con chung vẫn do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng và đã quen với sự chăm sóc, nuôi dưỡng của bà T, nếu giao con chung cho ông T1 nuôi dưỡng sẽ làm xáo trộn cuộc sống và sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất cũng như tâm lý của con chung. Hơn nữa, con chung có nguyện vọng được sống chung với bà T sau khi bà T và ông T1 ly hôn. Ngoài ra, hiện tại bà T có việc làm và thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo tốt nhất quyền lợi của con chung sau khi cha, mẹ ly hôn về các mặt vật chất, tình cảm và điều kiện chăm sóc, giáo dục cũng như tránh làm xáo trộn cuộc sống của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông T1 chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà T chưa yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T. Bà Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với ông Trần Văn T1.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Anh T2, sinh ngày 22/5/2012 (Giới tính: Nam).

Ông Trần Văn T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Ông Trần Văn T1 chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Hồng T chưa yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001577 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Cần Thơ). Bà Nguyễn Thị Hồng T không phải nộp thêm.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11- Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 11 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã Hoả Lựu, TP Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Trinh